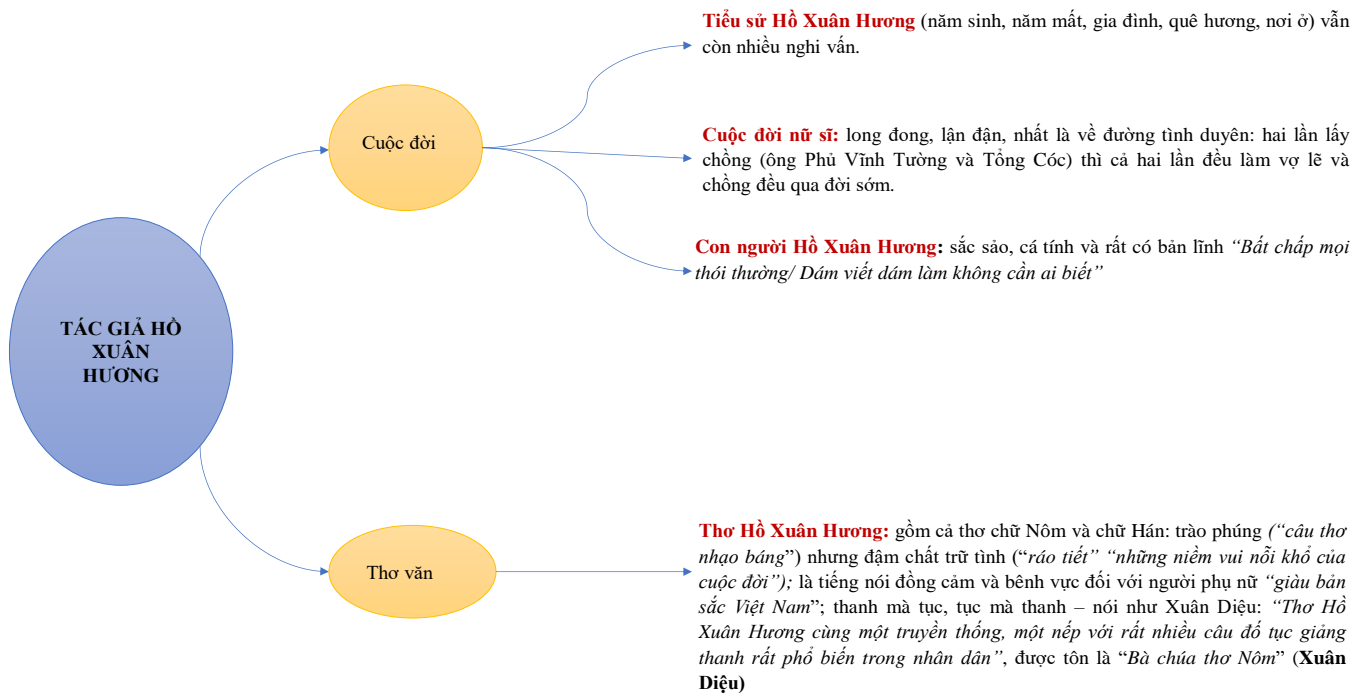


VĂN BẢN: “TỰ TÌNH” (BÀI 1)

I-TÁC GIẢ HỒ XUÂN HƯƠNG



II-VỀ BÀI THƠ “TỰ TÌNH” (BÀI 1)

1-Xuất xứ: Nằm trong chùm thơ Nôm 03 bài có chung tên gọi “TỰ TÌNH”; “*Bộ ba bài thơ trữ tình này cùng với bài “Khóc vua Quang Trung” của công chúa Ngọc Hân làm thành một nhóm riêng biệt, làm nên tiếng lòng chân thật của người đàn bà tự nói về tình cảm bản thân của đời mình trong văn học cổ điển Việt Nam*” (Xuân Diệu)

2-Thể thơ: Thất ngôn bát cú Đường luật với bố cục 04 phần: Đề - Thực – Luận -Kết

3-Thể loại: Thơ trữ tình – trực tiếp bộc lộ tâm trạng của nhân vật trữ tình qua cách cảm nhận không gian, thời gian, cảnh vật và duyên phận. Trong thơ, ngoại cảnh cũng là nội tâm. Trong cảnh có tình, trong tình thấy cảnh.

II-PHÂN TÍCH VĂN BẢN

1-HAI CÂU ĐỀ:

-Tâm trạng của nhân vật trữ tình được thể hiện qua sự cảm nhận về thời gian, không gian:

+ “*Đêm khuya*”- vừa là khoảng thời gian con người đối diện với chính mình trong những suy tư trầm trở vừa gợi ra một không gian vắng lặng yên tĩnh. Âm thanh “*văng vẳng*” của tiếng trống canh dồn càng làm cho không gian thêm quạnh hiu, con người cô đơn, lẻ loi.

+Cảm nhận được bước đi vội vã hối hả như giục giã, thôi thúc của thời gian qua nhịp đập liên hồi của tiếng trống canh. Đó chính là tâm trạng rối bời, vừa lo âu vừa buồn bã của con người khi ý thức được sự trôi chảy của thời gian, đời người.

-Nhân vật trữ tình ý thức được về cảnh ngộ của mình:

+ “*Trơ*” có những nghĩa: phơi ra, bày ra; trơ trọi lẻ bóng; bề bàng tủi hổ. “*Trơ cái hồng nhan*”: thủ pháp đảo ngữ và nhịp thơ 1/3/3 của câu thơ nhấn mạnh vào sự bề bàng của duyên phận.

+ “*Trơ*” không chỉ là bề bàng, tủi hổ mà còn thể hiện sự kiên cường, bền bỉ, thách thức.

⇒ **Tóm lại, hai câu đề: Một cảm giác cô đơn trống vắng trước vũ trụ và tủi hổ bề bàng trước cuộc đời.**

2-HAI CÂU THỰC:

-Khi buồn tủi người xưa thường “*nâng chén tiêu sầu*”. Nỗi niềm của thi nhân:

- + “*say lại tỉnh*”: lặp lại, quay lại gợi một vòng tròn luẩn quẩn trở đi trở lại bế tắc của số phận.
- + “*trăng*”- người bạn muôn đời thủy chung của thi ca – “*bóng xế*”: trăng sắp tàn mà vẫn “*khuyết chưa tròn*”: Tuổi xuân sắp trôi qua mà nhân duyên không trọn vẹn. Thật là cay đắng!

⇒ **Hai câu thực: Một nỗi xót xa, cay đắng cho duyên phận dở dang, lỡ làng.**

3-HAI CÂU LUẬN:

-Thiên nhiên hiện ra trong cảm nhận của nhân vật trữ tình. Ngoại cảnh cũng là nội tâm.

- + “*Xiên ngang mặt đất rêu...*”; “*Đâm toạc chân mây đá...*” Cảnh thiên nhiên và cảnh được gợi qua tâm trạng như cũng mang nỗi niềm phẫn uất, phản kháng dữ dội của con người.
- +Nghệ thuật đảo ngữ làm nổi bật sự vùng lên, phá ngang của thân phận đất đá cỏ cây- cũng là sự phẫn uất của tâm trạng.
- +Các động từ mạnh: “*xiên, đâm*” kết hợp với các phụ ngữ “*ngang, toạc*” độc đáo thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh...không chỉ phẫn uất mà còn phản kháng.
- + cách dùng từ “*rất Xuân Hương*” - cảnh trong thơ bà bao giờ cũng sinh động và căng tràn sức sống - mãnh liệt ngay trong cả tình huống bi thương.

⇒ **Hai câu luận: Một sự phẫn uất, phản kháng.**

4-HAI CÂU KẾT:

-Dám thách thức duyên phận, gắng gượng vươn lên nhưng rốt cuộc vẫn rơi vào bi kịch.

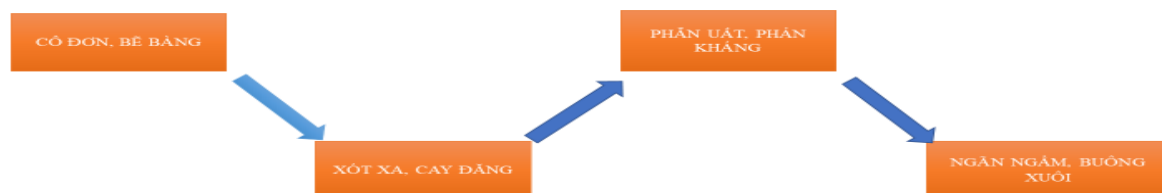
- + “*Ngán*”: chán ngán, ngán ngẩm. Một mối chán chường trước duyên phận éo le, bế bàng.
- + “*Xuân*” và là mùa xuân vừa là tuổi xuân. Mùa xuân của thiên nhiên tuần hoàn, vĩnh cửu còn tuổi xuân của đời người thì qua đi không bao giờ quay trở lại.
- + “*lại*” trong “*xuân đi xuân lại lại*” mang hai nghĩa khác nhau: thêm lần nữa, trở lại. Sự trở lại của mùa xuân lại đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân.
- + “*Mảnh tình – san sẻ - tí con con*” thủ pháp tăng tiến nhấn mạnh vào sự nhỏ bé dần làm cho nghịch cảnh éo le hơn. Âm điệu câu cuối như một tiếng thở dài buồn xuôi theo dòng đời

⇒ **Hai câu kết: ngán ngẩm, buồn xuôi**

III-TỔNG KẾT

1-Về nội dung:

-DIỄN BIẾN TÂM TRẠNG TÌNH CẢM CỦA NHÂN VẬT TRỮ TÌNH TRONG BÀI THƠ:



-NHỮNG Ý NGHĨA NHÂN VĂN SÂU SẮC ĐÁNG TRÂN TRỌNG:



2-Về nghệ thuật:

- Bài thơ Đường luật cổ điển được viết bằng ngôn ngữ Tiếng Việt bình dân và rất tự nhiên.
- Từ ngữ giản dị mà đa nghĩa; hình ảnh thơ rất gợi cảm.
- Các biện pháp tu từ được sử dụng rất thành công như: Đảo ngữ, ẩn dụ, tăng tiến...

IV-LUYỆN TẬP

